

# KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM CÁC GIỐNG CHÈ TRUNG QUỐC NHẬP NỘI

Nguyễn Thị Hồng Lam, Trần Thị Lư\*, Nguyễn Lê Thăng

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây ngành chè Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc về năng suất, chất lượng và kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, chè của chúng ta hiện nay giá bán chưa cao, thị trường chưa ổn định, hiệu quả sản xuất chè thấp mà nguyên nhân chủ yếu là chất lượng chè thấp. Một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng chè của Việt Nam là cần phải thay đổi cơ cấu giống chè bằng những giống có chất lượng cao. Để thực hiện mục tiêu này thì nhập nội và thuần hoá các giống chè tốt là biện pháp nhanh và có hiệu quả. Chính vì vậy, từ năm 2000 được phép của Chính phủ, Bộ NN & PTNT, Ngành Chè Việt Nam đã nhập khẩu 9 giống chè Trung Quốc chất lượng cao. Viện Nghiên cứu Chè đã tiến hành khảo nghiệm so sánh giống tại các vùng sinh thái (6 tỉnh) trong cả nước. Kết quả khảo nghiệm thu được sẽ là cơ sở vững chắc để chọn ra những giống chè thích ứng với điều kiện các vùng sinh thái của Việt Nam.

## II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**1. Nội dung.** Trong thời gian từ 2000 - 2003, đã bố trí thí nghiệm so sánh với 9 giống chè nhập nội từ Trung Quốc như: PT95, Hùng Lĩnh Bạch, Keo Am Tích, Phúc Vân Tiên, Hoa Nhật Kim, Thiết Bảo Trà, Phú Thọ 10, Hương Tích Sơn và Long Vân 2000. Thí nghiệm được bố trí tại 7 tỉnh: Viện Nghiên cứu chè (Phú Thọ), Công ty chè Sông Cầu (Thái Nguyên), Công ty chè Hùng An (Hà Giang), Công ty chè Hà Tĩnh (Hà Tĩnh), Xí nghiệp chè Văn Hưng (Yên Bái), Công ty Đầu tư và phát triển chè Nghệ An (Nghệ An) và Trung tâm nghiên cứu và CGKT cây CN và CAQ Lâm Đồng.

**2. Phương pháp.** Mỗi địa điểm nghiên cứu có đủ 9 giống chè nhập nội, mỗi giống được trồng 32 cây chè với 4 lần nhắc lại, bố trí theo phương pháp tuần tự.

Kỹ thuật gieo trồng đồng nhất tại các điểm: Khoảng cách trồng: 1,4m x 0,4m. Mật độ: 20.000 cây/1ha. Phân bón: Bón lót khi trồng mới 40 tấn phân chuồng + 1.000 kg supelân/1ha, chăm sóc chè theo quy trình.

Các chỉ tiêu nghiên cứu: Xác định những biểu hiện về đặc điểm sinh vật học của từng giống ở các vùng sinh thái khác nhau. Nghiên cứu các chỉ tiêu sinh trưởng cơ bản của cây chè (rộng tán, cao cây, đường kính thân, đặc điểm sinh trưởng búp...) Xác định chất lượng các giống chè bằng phương pháp thử nếm cảm quan.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Đặc điểm hình thái các giống chè nhập nội

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, giống Keo Am Tích, Long Vân 2000 có dạng thân bụi còn lại 7 giống khác có dạng thân gỗ nhỏ (quán bụi). Về đặc điểm của lá: Hầu hết các giống nhập nội từ Trung Quốc đều có thịt lá dày, mép lá có răng cưa, mặt lá hơi gồ ghề, giống Phú Thọ 10 có diện tích lá lớn nhất đạt 32,48 cm<sup>2</sup>, tiếp đến là giống Phúc Vân Tiên có diện tích lá là 22,18 cm<sup>2</sup>. Hai giống Hương Tích sơn và Hùng Lĩnh Bạch có diện tích lá thấp nhất tương ứng là: 15,85 cm<sup>2</sup> và 15,90 cm<sup>2</sup>.

Búp chè của tất cả các giống khảo nghiệm đều có lông tuyết. Những giống có nhiều tuyết là: Keo Am Tích, Phú Thọ 10, Phúc Vân Tiên, Hùng Lĩnh Bạch và PT95. Trọng lượng búp cao nhất là giống Phú Thọ 10 (0,96g) và thấp nhất là Thiết Bảo Trà (0,53 g).

### 2. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về sinh trưởng

Từ kết quả bảng 2 cho thấy: Các giống đều có tỷ lệ sống khá cao từ 85% trở lên, các giống PT95, Phú Thọ 10, Hoa Nhật Kim và Long Vân 2000 có tỷ lệ sống cao hơn cả (91-92%). Chiều cao cây: Các giống PT95, Phú Thọ 10, Hùng Lĩnh Bạch, Phúc Vân Tiên, Keo Am Tích, có sức sinh trưởng khoẻ với chiều cao cây đạt từ 63,84 - 81,85 cm. Các giống Long Vân 2000, Thiết Bảo Trà có chiều cao cây thấp nhất tương ứng: 52,40 cm và 55,87 cm. Các giống Phúc Vân Tiên, PT95, Hùng Lĩnh Bạch, Phú Thọ 10, Keo Am Tích có đường kính thân lớn, giống Long Vân, Thiết Bảo Trà thân nhỏ.

Chiều rộng tán là một trong những chỉ tiêu quan trọng xác định sự sinh trưởng của cây chè, giống có chiều rộng tán lớn là: Hùng Lĩnh Bạch, Phúc Vân Tiên, PT95.

\*TS. Trưởng Bộ môn Giống – Di truyền – Viện Nghiên cứu chè

Chuyên mục "Mô hình – Tiến bộ Kỹ thuật nông nghiệp" có sự tham gia phối hợp của Trung tâm Khuyến nông quốc gia

# MÔ HÌNH – TIẾN BỘ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP

**Bảng 1. Một số đặc điểm sinh vật học các giống chè nhập nội từ Trung Quốc**

STT	Tên giống	Dạng thân	Đặc điểm lá			Đặc điểm búp		
			Hình thái lá	Số đôi gân (đôi)	Diện tích lá (cm <sup>2</sup> )	P. búp 1 tôm 2 lá (g)	Màu sắc búp	Mức độ lông tuyết
1	Keo Am Tích	Thân bụi	Lá lồi lõm, răng cưa nhọn, mép lá gợn sóng	7-8	16.57	0,66	Phớt tím	Nhiều tuyết
2	Phú Thọ 10	Thân gỗ nhỏ	Lá dầy, màu xanh vàng, lồi lõm, răng cưa thưa	8	32.48	0,96	Hơi phớt tím	Nhiều tuyết
3	PT95	Thân gỗ nhỏ	Lá xanh đậm, nhẵn, răng cưa thưa nông ọ đều	8-10	21.05	0,70	Xanh	Có tuyết TB
4	Hoa Nhật Kim	Thân gỗ nhỏ	Lá xanh vàng, gỗ ghè mép lá gợn sóng, răng cưa dầy	9-10	18.78	0,63	Xanh vàng	Có tuyết TB
5	H. Đỉnh Bạch	Thân gỗ nhỏ	Lá xanh vàng, gân chính sâu rõ, răng cưa nhọn	8-9	15.90	0,82	Xanh	Có tuyết nhiều
6	L. Vân 2000	Thân bụi	Lá dầy cứng, xanh bóng, mép lá gợn sóng	8-9	18.56	0,43	Phớt tím	Nhiều tuyết
7	Hương tích sơn	Thân gỗ nhỏ	Lá gỗ ghè, răng cưa dầy	7-8	15.85	0,71	Phớt tím	Có tuyết
8	Phúc vân tiên	Thân gỗ nhỏ	Lá hơi lượn sóng, răng cưa thưa, lá màu xanh sáng	8-10	22.18	0,55	Xanh	Nhiều tuyết
9	Thiết bảo trà	Thân gỗ nhỏ	Lá xanh vàng, răng cưa thưa.	6-7	18.59	0,53	Xanh vàng	Nhiều tuyết

**Bảng 2. Đặc điểm sinh trưởng của các giống chè nhập nội**

TT	Tên giống	Tỷ lệ sống sau trồng 6 Tháng (%)	Chiều cao cây (cm)	Đường kính thân(cm)	Cành cấp I (cành/ cây)	Chiều rộng tán(cm)
1	Keo Am Tích	85	63.84	0,736	7,2	33,0
2	Phú Thọ 10	92	81.85	0,895	6,8	43,8
3	PT 95	91	77.00	0,885	6,6	46,7
4	Hoa Nhật Kim	91	71.05	0,783	8,0	41,4
5	Hùng Đỉnh Bạch	86	75.12	0,812	9,1	50,9
6	Long Vân 2000	92	52.40	0,623	9,8	32,3
7	Hương Tích Sơn	91	57.05	0,668	8,1	32,4
8	Phúc Vân Tiên	89	69.68	0,912	10,4	46,0
9	Thiết Bảo Trà	89	55.87	0,669	7,1	36,3

# MÔ HÌNH – TIẾN BỘ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP

## 3. Kết quả đánh giá chất lượng bằng phương pháp cảm quan

**Bảng 3.** Kết quả đánh giá chất lượng chè xanh bằng thử nếm cảm quan  
(Tại điểm khảo nghiệm Thái Nguyên 2003-2004)

Tên giống	Ngoại hình		Màu nước		Mùi		Vị		Tổng hợp	
	Nhận xét	điểm	Nhận xét	điểm	Nhận xét	điểm	Nhận xét	điểm	điểm	Xếp loại
Keo Am Tích	Xoăn, xanh, non, có tuyết	4,37	Xanh vàng	2,50	Hương thơm nhẹ	5,1	Chát dịu	5,20	17,57	Khá
Phú Thọ 10	ít xoăn, có tuyết	4,12	Xanh vàng	2,50	Hương thơm	4,8	Đậm dịu	4,95	16,37	Khá
PT95	Xoăn, xanh, non, có tuyết	4,12	Xanh vàng, sánh	2,70	Thơm đặc trưng	4,8	Chát dịu	5,25	16,87	Khá
Hoa Nhật Kim	Xoăn đều	4,0	Xanh vàng	2,55	Thơm hương hoa	5,55	Dịu thơm	5,40	17,50	Khá
Hùng Đỉnh Bạch	Xoăn non, vụn có tuyết	4,12	Xanh vàng	2,50	Thoáng hương	4,65	Dịu đậm	4,95	16,22	Khá
Long Vân 2000	Xoăn nhỏ, đều có tuyết	4,25	Xanh sánh	2,70	Thoáng hương	4,50	Chát dịu	5,10	16,55	Khá
Phúc Vân Tiên	Xoăn đều, có tuyết	4,37	Xanh vàng	2,50	Thoáng hương	4,50	Chát dịu	4,95	16,32	Khá
Thiết Bảo Trà	Xoăn, nhỏ cánh, ít tuyết	4,12	Xanh vàng	2,55	Thơm mùi hoa	5,40	Thơm dịu	5,25	17,32	Khá

Kết quả thử nếm bằng phương pháp cảm quan ghi ở bảng 3 cho thấy, các giống đều có chất lượng chè xanh cao, xếp vào loại khá. Điểm tổng hợp đều đạt trên 16 điểm, đặc biệt có giống Thiết Bảo Trà, Hoa Nhật Kim, Keo Am Tích có điểm thử nếm đạt 17,17 - 17,50 điểm và có hương thơm đặc trưng. Giống PT95, Hùng Đỉnh Bạch, Phúc Vân Tiên đạt: 16,22- 16,87 điểm. Nhìn chung, các giống Trung Quốc nhập nội đang khảo nghiệm đều có chất lượng chè xanh tốt.

### IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

**Kết luận:** Kết quả theo dõi đặc tính sinh vật học, các chỉ tiêu sinh trưởng và chất lượng của các giống nhập nội chúng tôi nhận thấy: Giống PT95, Hùng Đỉnh Bạch, Keo Am Tích, Phúc Vân Tiên là các giống sinh trưởng tốt và có khả năng thích ứng trong điều kiện Việt Nam cao hơn các giống khác. Từ năm 2003, bốn giống chè này đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận tạm

thời và cho khảo nghiệm diện rộng ở các vùng sinh thái.

**Đề nghị:** Trong thời gian tới cần có các giải pháp để nhanh chóng mở rộng diện tích các giống PT95, Hùng Đỉnh Bạch, Phúc Vân Tiên và Keo Am tích góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm của chè Việt Nam.

### *Results of imported Chinese tea experiment*

#### *(Summary)*

*A number of experiments were conducted on nine imported Chinese tea varieties between 2000 and 2003. As a result, four tea varieties were identified as being able to grow and adapt to Vietnam's weather conditions. These varieties were temporarily recognized and used as part of a large-scale experiment by the Ministry of Agriculture and Rural Development. □*